TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2022/DS - ST
Ngày: 26/7/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – TP. HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thủy Tiên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Cao Thị Tuyết Mai
2. Bà Đinh Kim Hoàng
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 4
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2021/TLST- DS ngày 27 tháng 5 năm 2021 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định hoãn phiên tòa số 400/2022/QĐST – DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 399/2022/QĐXX - ST ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Đặng Ngọc K , sinh năm 1990
Địa chỉ: đường A, Phường B, Quận C, Tp. HCM
Bị đơn: Bà Lưu Tuyết H , sinh năm 1988
HKTT: đường D, Phường E, Quận F, Tp. HCM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2021, bản tự khai và các biên bản hòa giải Nguyên đơn ông Đặng Ngọc K trình bày như sau:

Ngày 05/8/2020, nguyên đơn ông Đặng Ngọc K (bên A) có cho bà H (bên B) vay số tiền là 500.000.000 đồng có lập Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng T số công chứng 008871 quyển số 03TP/CC –SCC/HĐGD. Thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất 16%/năm, bên B thanh toán lãi suất cho bên A theo định kỳ mỗi tháng 01 lần vào ngày 01 đến ngày 05 dương lịch của mỗi tháng. Việc giao nhận tiền đã được thực hiện và ngoài sự chứng kiến của công chứng viên bằng hình thức chuyển khoản. Cụ thể vào ngày 05/8/2020 ông K đã chuyển khoản cho bà H 03 đợt cụ thể số tài khoản của ông K là 1110100997006 Ngân hàng thương mại cổ phần Q , số tài khoản của bà H 625704060377494 Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế V gồm lần 1: 156.000.000 đồng nội dung " Hang chuyên tien – Ma giao dich/Tr ace 592600" nội dung ghi như trên là do bà H nhờ ông chuyển số tiền này cho 01 người quen của bà H , ông K không biết rõ về người này nên không cung cấp cho Tòa được địa chỉ cụ thể với số tài khoản 17710000166070, lần 2: 300.000.000 đồng nội dung "Chuyen Hang – Ma giao dich/Trace 5-98413", lần 3: 44.000.000 đồng nội dung "Chuyen Hang - Ma giao dich/Trace 6-04260" ông Khánh đã nộp chứng cứ cụ thể cho Tòa

gồm số tài khoản của ông và số tài khoản của bà H trích từ Ngân hàng. Tuy nhiên đối với số tiền chuyển lần 1 là 156.000.000 đồng bà H nhờ ông chuyển khoản cho người có tên "Đang Hoang Nguyen số tài khoản 17710000166070". Đối với số tiền chuyển khoản lần 1 ông rút lại yêu cầu khởi kiện, ông sẽ khởi kiện sau khi cần.

Vào khoảng cuối tháng 01/2021 thì bà H đã trả cho ông số tiền 128.000.000 đồng, trả bằng tiền mặt nên không có chứng cứ gì. Nay Ông K xác nhận bà H còn nợ ông số tiền nợ gốc cho hai lần chuyển khoản là 344.000.000 đồng (chứng cứ chuyển khoản lần 2 và lần 3) – 128.000.000 đồng còn nợ lại 216.000.000 đồng và toàn bộ tiền lãi chưa thanh toán. Ông K xác nhận tiền cho bà H vay là tiền riêng của cá nhân không liên quan gì đến vợ của ông, ông K cũng xác nhận chỉ yêu cầu cá nhân bà H có trách nhiệm trả khoản nợ trên, không yêu cầu đưa thêm người vào tham gia tố tụng.

Nay ông K yêu cầu bà Lưu Tuyết H trả cho ông tổng số tiền được điều chỉnh như sau:

Lãi trong hạn 03 tháng từ 08/2020 đến 10/2020, mức lãi suất 16%/năm (thỏa thuận tại hợp đồng vay) = 1.33%/tháng x 3 tháng x 344.000.000 đồng = 13.725.600 đồng.

Lãi quá hạn từ tháng 11/2020 đến tháng 01/2021, mức lãi suất 10%/năm = 0,83%/tháng x 3 tháng x 344.000.000 đồng = 8.565.600 đồng.

Lãi quá hạn từ tháng 02/2021 đến tháng 07/2022 mức lãi suất 10%/năm =0,83% x 18 tháng x 216.000.000 đồng = 32.270.400 đồng. Tổng lãi trong hạn và quá hạn là 54.561.600 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi tạm tính đến tháng 07/2022 là 270.561.600 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi bà H trả hết khoản nợ.

Bị đơn bà Lưu Tuyết H vắng mặt không có lý do mặc dù đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đương sự H không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường C, Quận C "Đương sự Lưu Tuyết H , sinh năm 1988, HKTT đường A, Phường B, Quận C. Nhà bán năm 2014, hiện tạm trú tại địa chỉ đường G, Phường H, Quận K"

Kết quả xác minh của Công an Phường H, Quận K "Bà Lưu Tuyết H , sinh năm 1988 không đăng ký thường trú, tạm trú tại đường G, Phường H, Quận K, Tp. HCM. Bà H hiện không sinh sống tại địa chỉ trên"

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt; phía bị đơn Bà Lưu Tuyết H vắng mặt lần thứ hai, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc Tòa án thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung của vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Đặng Ngọc K có đơn khởi kiện Bà Lưu Tuyết H yêu cầu trả tiền nợ vay. Căn cứ Hợp đồng vay tiền số công chứng 008871 quyển số 03TP/CC –SCC/HĐGD ngày 05/8/2020 tại Văn phòng công chứng T thì có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bà H đã xác lập quan hệ vay tiền. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện

yêu cầu bà H trả số tiền nợ vay gồm nợ gốc và lãi chậm trả đây là vụ án dân sự "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Đồng thời, căn cứ vào kết quả xác minh của Công an Phường B, Quận C và Công an phường H, Quận K, Tp. Hồ Chí Minh. Theo đơn khởi kiện, thì người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bị đơn Bà Lưu Tuyết H nhưng bà H không có nơi cư trú ổn định, thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú…thì Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Quận 4 có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có mặt; bị đơn bà Lưu Tuyết H vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Xét, đề nghị của nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bà H có trách nhiệm trả khoản nợ, không yêu cầu đưa thêm người vào tham gia tố tụng là tự nguyện và không trái pháp luật nên chấp nhận.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Đối với số tiền nợ gốc và lãi: Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền số công chứng 008871 quyển số 03TP/CC –SCC/HĐGD ngày 05/8/2020 tại Văn phòng công chứng T do nguyên đơn cung cấp, lời khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì có đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bà H có quan hệ vay tiền. Phía Nguyên đơn đã cho bà H vay số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) "..thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này, phương thức trả tiền vay: Một lần.. lãi suất 16%/năm; thanh toán lãi suất theo định kỳ mỗi tháng 01 lần vào ngày 01 đến ngày 05 dương lịch mỗi tháng..". Tuy nhiên, quá hạn trả nợ đã lâu nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc sau khi rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện số tiền là 156.000.000 đồng và trừ đi số tiền bà H đã trả là 128.000.000 đồng số tiền nợ gốc còn lại là 216.000.000 đồng và lãi trong hạn 03 tháng từ 08/2020 đến 10/2020, mức lãi suất 16%/năm = 13.725.600 đồng; Lãi quá hạn từ tháng 11/2020 đến tháng 01/2021, mức lãi suất 10%/năm = 0,83%/tháng x 3 tháng x 344.000.000 đồng = 8.565.600 đồng. Lãi quá hạn từ tháng 02/2021 đến tháng 07/2022 mức lãi suất 10%/năm =0,83% x 18 tháng x 216.000.000 đồng = 32.270.400 đồng. Tổng lãi trong hạn và quá hạn là 54.561.600 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi tạm tính đến tháng 07/2022 là 270.561.600 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi bà H trả hết khoản nợ, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ vào các Điều 357; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017, việc ông K yêu cầu bà H trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Lưu Tuyết H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.532.580 đồng (mười ba triệu năm trăm ba mươi hai nghìn năm trăm tám mươi đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; Điều 203, Điều 220, Điều 227 và khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Ngọc K .

Buộc bà Lưu Tuyết H có trách nhiệm trả cho ông Đặng Ngọc K số tiền nợ vay tạm tính đến tháng 07/2022 là 270.651.600 đồng (hai trăm bảy mươi triệu sáu trăm năm mươi mốt ngàn sáu trăm đồng) gồm: nợ gốc là 216.000.000 đồng và lãi trong hạn 13.725.600 đồng; Lãi quá hạn 40.836.000 đồng. Theo Hợp đồng vay tiền số công chứng 008871 quyển số 03TP/CC–SCC/HĐGD ngày 05/8/2020 tại Văn phòng công chứng T .

Thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bà Lưu Tuyết H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.532.580 đồng (mười ba triệu năm trăm ba mươi hai nghìn năm trăm tám mươi đồng)

Hoàn trả cho ông Đặng Ngọc K số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 10.840.000 đồng (mười triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036429 ngày 19/5/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 4.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTp. HCM;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

đã ký

Hồ Thị Thủy Tiên